

CHƯƠNG III

TỔ CHỨC XÃ HỘI TRUYỀN THỐNG

1. Gia đình (*za đình; doong: nhà*)

Gia đình là một cộng đồng người cùng chung sống, gắn bó nhau bởi quan hệ tình cảm, quan hệ hôn nhân, quan hệ huyết thống, quan hệ chăm sóc nuôi dưỡng và quan hệ giáo dục. Gia đình hình thành rất sớm trong xã hội loài người, có tác động mạnh mẽ đến xã hội. Từ điển *Tiếng Việt*, định nghĩa gia đình là: *Tập hợp người cùng sống chung thành một đơn vị nhỏ nhất trong xã hội, gắn bó với nhau bằng quan hệ hôn nhân và dòng máu, thường gồm có vợ chồng, cha mẹ và con cái.*¹

Gia đình là tế bào của xã hội.

Gia đình chỉ xuất hiện ở loài người, được quy định bởi các chuẩn mực do gia đình quy định và xã hội tác động mạnh mẽ đến gia đình. Trong mỗi gia đình các yếu tố về kinh tế, văn hóa, tâm lý (của các thành viên trong gia đình), yếu tố sinh học chi phối mạnh mẽ nên gia đình không giống bất cứ nhóm nào do xã hội tổ chức nên.

Khi bàn đến gia đình, các ngành khoa học chuyên ngành đưa ra khái niệm phù hợp với đối tượng nghiên cứu chuyên ngành của họ, nhằm thích ứng với nội dung nghiên cứu của mỗi chuyên ngành. Đối với ngành xã hội học, khi nghiên cứu về gia đình, đặt gia đình trong mối quan hệ với cộng đồng, do gia đình là một nhóm xã hội thu nhỏ. Theo đó: *gia đình là một thiết chế xã hội đặc thù, một nhóm xã hội nhỏ mà các thành viên của nó gắn bó với nhau bởi quan hệ hôn nhân, quan hệ huyết thống hoặc quan hệ con nuôi, bởi tính cộng đồng về sinh hoạt, trách nhiệm đạo đức với nhau nhằm đáp ứng những nhu cầu riêng của mỗi thành viên cũng như để thực hiện tính tất yếu của xã hội về tái sản xuất con người.*²

1.1. Kết cấu gia đình

Gia đình hạt nhân ngày nay thường là quan hệ cha - mẹ - các con. Ngày trước gia đình người Cơ Tu thường có kết cấu theo quan hệ có nhiều cặp vợ chồng và con cháu sinh sống chung trong một nhà. Thời ấy, thường gắn với hình thức quan hệ ăn chung, ở chung, làm chung trong một gia đình mang tính huyết thống, với quan hệ

¹ Hoàng Phê (Chủ biên, 2006), *Từ điển tiếng Việt*, NXB Đà Nẵng, Trung tâm Từ điển học. Hà Nội.

² https://vi.wikipedia.org/wiki/Gia_%C4%91%C3%ACnh

phụ quyền. Người Cơ Tu, con cái theo họ cha. Trong gia đình, vai trò của người chồng lớn hơn người vợ³. Vợ luôn lệ thuộc chồng.

Gia đình người Cơ Tu cách nay trên trăm năm thường ở trong một ngôi nhà dài (mà nay đã trở thành nhà dài truyền thống). Trong nhà dài được bố trí cho mỗi cơ bhuh (tộc họ), đôi khi không nhất thiết phải là tộc họ lớn mới ở trong một nhà dài) bao gồm nhiều cặp vợ chồng và con cái cùng sinh sống chung trong nhà. Vì thế, trong nhà chia thành nhiều căn nhỏ dành cho mỗi gia đình có chung huyết thống cùng ở. Mỗi gia đình lập riêng một bếp. Theo đó, nhà dài có thể dài đến mấy chục sải tay và có nhà còn dài hơn thế.⁴

Thời nay, nhà dài người Cơ Tu ít tìm thấy trên thực tế, bởi gia đình huyết thống đã từng bước tách ra thành gia đình nhỏ, gia đình hạt nhân⁵ mà ta tìm gặp phổ biến gia đình nhỏ đã tách riêng ra gồm một cặp vợ chồng và các con; đôi khi có vợ chồng người con trai cùng các con, cháu ở trong một ngôi nhà. Điều này thể hiện chế độ nhà dài cùng huyết thống đã lùi xa trong lịch sử tộc người. Càng về sau, ngôi nhà dài dần được thay thế bằng ngôi nhà nhỏ. Quan hệ cơ bhuh/tộc họ dần được tách riêng ra, làm nhà nhỏ hơn để ở. Ban đầu là nhà sàn, càng về sau, nhất là giai đoạn công nghiệp hóa, hiện đại hóa, nhà có sự biến dịch đến biến đổi theo kiểu nhà trệt. Hiện tại nhà ở tại ba thôn: Phú Túc (xã Hòa Phú), thôn Tà Lang và Giàn Bí (xã Hòa Bắc) không còn ngôi nhà sàn nào nữa.



Nhà dài Cơ Tu & nhà sàn Cơ Tu (St)

Tuy nhiên, các xã vùng cao, ở sâu, xa trong rừng núi non trùng điệp nên vài nơi vẫn còn tìm thấy nhà dài, nhà sàn để ở, thẳng chen xen với nhà trệt. Họ chỉ làm

³ Điều này xuất phát từ quan hệ hôn nhân, do xã hội hình thành tục lệ như hôn nhân “mua bán, mua vợ”.

⁴ Nhà dài: cũng là một kiểu nhà đặc trưng của các tộc người ở Trường Sơn và Tây Nguyên.

⁵ Là gia đình hai thế hệ (cha mẹ - con). Còn gia đình ba thế hệ (là gia đình truyền thống), gồm ông bà - cha mẹ - con (tam đại đồng đường). Gia đình bốn thế hệ (là tứ đại đồng đường), gồm ông bà - cha mẹ - con - cháu.

sàn với nhà moong, nhà kho, chòi rẫy, nhà đẽ mà thôi. Có thể nói rằng, người Cơ Tu vùng cao và vùng giữa tỉ lệ ở nhà sàn còn cao, dần xuống vùng phương/ép (thấp), nhà có khuynh hướng sử dụng nhà trệt và xây xông, lợp tôn, hoặc thung gỗ, lợp tôn. Chen xen có nhà đúc hai tầng bê tông, cốt thép kiên cố.

Đến đầu thế kỷ XXI, phần nhiều nhà ở của người Cơ Tu biến đổi, từ ngôi nhà dựng lên bằng vật liệu tại chỗ: gỗ, tre, giang, nứa, tranh, đùng đình, dây chạc,... lấy từ rừng về. Nhà không thiết kế theo kiểu ovale mà làm nhà có mái, chái hình thang, lợp tôn như nhà trệt vùng đồng bằng. Nhiều ngôi nhà cải tạo từ nhà sàn truyền thống thành ngôi nhà giống như nhà rường của người Kinh.



Nhà sàn Cơ Tu & nhà trệt Cơ Tu (St)

Thiết kế phần nhiều là gỗ, kiên cố, trông vững chắc. Nhà kiểu này tầng số xuất hiện ngày càng nhiều tại các xã vùng Cơ Tu phương/ép, nhất là tại các thị trấn, khu huyện lỵ của các huyện (P'rao, h Đông Giang; thôn A Grông, xã A Tiêng, huyện Tây Giang; thị trấn Thạnh Mỹ, huyện Nam Giang). Tại các thôn Phú Túc, Tà Lang, Giàn Bí của huyện Hòa Vang toàn bộ số hộ người Cơ Tu không còn nhà sàn. Một số nhà kiên cố, xây xông, lợp tôn, một số nhà đúc bằng bê tông cốt sắt hai tầng được xây dựng ngày càng nhiều hơn.

1.2. Đặc điểm

Theo cách nhìn Xã hội học, gia đình hiện nay chia thành hai loại: 1/ *Gia đình nhỏ* (gia đình hạt nhân hay gia đình hai thế hệ), là loại gia đình phổ biến, gồm cha mẹ - các con. Hoặc chỉ có mẹ - các con; cha - các con (không đầy đủ các quan hệ, hoặc có cha, không mẹ và ngược lại). Gia đình hai thế hệ là loại gia đình ngày càng xuất hiện nhiều thêm. Gia đình như thế phù hợp với thời kỳ công nghệ 4.0. 2/ *Gia đình lớn* (gia đình ba thế hệ), là loại gia đình xưa gọi là tam đại đồng đường, cũng gọi gia đình truyền thống. Ba thế hệ sống chung trong một nhà, gồm: ông bà - các

con - các cháu. Loại gia đình ba thế hệ hiện nay vẫn còn tồn tại (nhưng ít), trong đó người lớn tuổi không nắm giữ thực quyền trong gia đình mà thường là người con trai (của ông bà) lớn tuổi hơn làm chủ gia đình.

Đối với người Cơ Tu, quan hệ huyết thống trong nhà dài luôn được giữ gìn gắn bó, bởi cùng cư trú trong một mái nhà chung, quan hệ bao giờ cũng thuận hòa tốt đẹp. Chủ ngôi nhà thường là người cao tuổi nhất trong tộc họ. Trong quan hệ, họ ứng xử nhau trên - dưới, trong - ngoài nên nếp kỷ cương. Thành quả săn bắt, hái lượm được chia đều trong huyết thống, đôi khi chia đều cho cả cộng đồng làng những khi săn bắt được con thú to: sao la, con nai, con heo rừng hay con trâu xám lớn. Phong tục, tập quán của huyết thống được giữ gìn. Đây là cơ sở để giữ gìn sự đoàn kết cùng phát triển trong ngôi nhà dài chung. Săn bắt hay sản xuất lương thực, các loại hoa màu là của chung nên thường phân chia công bằng cho mỗi bếp. Ngay trong lễ hội cũng vậy, sau khi cúng dàng xong, phần ẩm thực mời khách và các thành viên trong cộng đồng dùng, còn để dành phần mang về cho những thành viên không tham dự được.⁶

Trong mỗi bếp, vợ chồng - các con cùng ăn bữa, nhưng phụ nữ không ngồi ăn chung với đàn ông.

Người Cơ Tu rất hiếm khi tìm gặp ly dị vợ chồng.

1.3. Tộc họ (cơ bhuh)

Tổ chức cơ bhuh/tộc họ là tổ chức đứng trước tổ chức gia đình được xem là tổ chức lớn sau tổ chức làng truyền thống người Cơ Tu. Tộc họ, tiếng Cơ Tu gọi là “cơ bhuh” hoặc “tô bhuh” cũng để chỉ tộc họ cùng chung huyết thống theo họ cha (phụ hệ).

Luật tục Cơ Tu quy định nghiêm ngặt về tục ngoại hôn. Theo cách này, quan hệ hôn nhân nối dây, dây chuyền được luật tục quy định. Chồng chết, vợ lấy em chồng. Luật nối dây khuyến khích cách quan hệ này.

1.3.1. Tên họ, nguồn gốc

Tộc họ Cơ Tu hình thành từ xa xưa trong lịch sử tộc người, đến nay, người Cơ Tu, quá trình tìm hiểu, nghiên cứu về họ, các nhà dân tộc học chưa lý giải được nguồn gốc ra đời tộc người. Để nhận biết tộc họ, người Cơ Tu căn cứ vào huyền tích, thông qua các câu chuyện kể mà ngày nay chúng ta ghi chép được từ những già làng. Người Cơ Tu cho rằng, theo đó là nguồn gốc hình thành tộc họ của mình. Có tộc họ lớn với số đông người, có tộc họ nhỏ, với số lượng người ít hơn. Hiện tại, người Cơ Tu trong địa bàn tỉnh Quảng Nam, Đà Nẵng không còn sống tập trung như kiều thị

⁶ Người Kinh miền xuôi huyện Hòa Vang xưa kia tục lệ này vẫn có, nhất là lễ hội Đình làng, thường dành phần ẩm thực mang về biếu cho những người cao tuổi không tham dự hội làng được, hoặc cho những chức sắc phụ trách các công đoạn tế lễ tại Đình làng mà vì lý do nào đó không tham dự được. Lệ này còn tìm thấy trong lễ giỗ, chạp. Nay, tháng vẫn còn.

tộc xưa trong các nhà dài theo từng cơ bhuh/ tô bhuh như quan hệ huyết thống xa xưa. Giải thích quá trình hình thành dòng tộc người Cơ Tu, các nhà dân tộc học chưa đưa ra kết luận, phần nhiều dựa vào tri thức bản địa, khai thác trong văn hóa dân gian tộc người, ước đoán nguồn gốc Cơ Tu. Người Cơ Tu thông qua một số huyền tích, họ căn cứ vào một số động vật, thực vật nào đó và lấy đó đặt tên cho tộc họ mình. Các nhà dân tộc học khi nghiên cứu về cơ bhuh/tô bhuh Cơ Tu gọi là vật tổ hay tô tem giáo của dòng tộc.

1.3.2. Vấn đề tộc họ, cấu trúc tộc họ

Tộc họ (cơ bhuh/ tô bhuh) theo quan niệm totem giáo/vật tổ

Người Cơ Tu có tộc họ như nhiều tộc người sinh sống tại khu vực Đông Nam Á. Vấn đề tộc họ giống người Cơ Tu sinh sống tại Thừa Thiên - Huế, tại nước Cộng Hòa Dân Chủ Nhân Dân Lào, họ đều lấy động vật, thực vật, một hiện tượng có trong huyền tích đặt tên cho tộc họ. Mỗi tộc họ có ý nghĩa riêng liên quan đến huyền tích. Đây là đặc điểm hình thành tộc họ người Cơ Tu. “Con vật, cái cây, một vật hoặc một hiện tượng thiên nhiên được coi là “thủy tổ” xa xưa nhất của một nhóm dân tộc (hoặc một bộ lạc) nhất định. Được truyền lại thông qua những huyền thoại, sự tích về vị “tổ” đó được dùng làm cơ sở cho tổ chức văn hóa. Thông thường “vật tổ” được thể hiện trên biểu trưng của bộ lạc là đối tượng tôn thờ, cúng lễ và là yếu tố quyết định phong tục, tập quán của bộ lạc, các cấm kỵ (thí dụ không được săn bắn giống vật được cho là “vật tổ”). Kèm theo tín ngưỡng vật tổ thường có nhiều nghi lễ ma thuật.

“Nền văn hóa vật tổ khác nền văn hóa khác ở chỗ có tính truyền thống rất cao và rất ổn định...Người ta cho rằng mọi nền văn hóa trên thế giới đều phải trải qua giai đoạn tín ngưỡng vật tổ.”⁷

Họ, tên người Cơ Tu không có chữ lót như người Kinh. Thời cận hiện đại, người Cơ Tu phân biệt nam, nữ sử dụng chữ lót theo cách đặt tên như người Kinh. Nếu là nữ dùng chữ *Thị*, nếu là nam dùng chữ *Văn* để phân biệt nam, nữ.

Theo ông Br’riu Liếc, tháng 7/2017, thống kê có 30 tộc họ, nhưng nếu tính hết các họ người Cơ Tu hiện có thì nhiều hơn thế, có thể lên đến 60 họ khác nhau, trong đó người Cơ Tu đặt tên, lấy họ theo người Kinh chiếm tỉ lệ không nhỏ trong tộc họ của họ.

Sinh sống trong một làng, nếu một huyết thống cùng ở chung trong một nhà dài, người làng không gọi tên chủ nhà (mặc dầu chủ nhà là người cao tuổi hơn) mà họ gọi theo tộc họ, theo cơ bhuh/tô bhuh của tộc họ đó. Ví dụ nếu nhà chỉ toàn tộc họ Bh’riu ở thì làng gọi là: nhà họ Bh’riu (đong a pêê Bh’riu). Nếu tộc họ A Lãng cùng ở chung trong ngôi nhà dài, người làng gọi nhà họ A Lãng. Hoặc nhà P’loong,... mà không gọi tên người cao tuổi hơn trong nhà.

⁷ GS. A.A. Radugin (2001), *Từ điển bách khoa Văn hóa học*, người dịch Vũ Đình Phòng, Viện nghiên cứu Văn hóa Nghệ thuật, Hà Nội. Tr. 617.

Mặt khác nếu nhà có nhiều tộc họ cùng ở chung trong ngôi nhà dài, liền vách nhau, người làng gọi là: nhà nhiều họ (đong tor luc, tor clai).⁸ - có nghĩa là nhiều anh em cùng ở - mà không gọi tên từng chủ hộ.⁹

Nếu nhà chỉ một tộc họ Bh'riu ở, thì người làng gọi là: nhà ông Bh'riu (đong tor coh Bh'riu).

⁸ Người Cơ Tu huyện Tây Giang có cách gọi này, nhưng tại huyện Đông Giang thì không rõ cách gọi cơ lai. (Tư liệu điền dã do già làng Bh'riu Pố, thôn A Rớh, xã Lăng cung cấp).

⁹ Xem: Chương I, *Ngữ văn dân gian*, mục 2.1. *Truyện kể về các cobhuh/ tô gố*.

CHƯƠNG IV

LÀNG CƠ TU

1. Tên làng (vêêl, bhuol, c'non/ cor non) nguồn gốc

Người Cơ Tu sinh sống trong môi trường rừng núi, họ tiếp cận thường xuyên với cảnh quan thiên nhiên núi rừng, đồi, dốc, cây trái hoa lá trong tự nhiên, theo đó cảnh quan thiên nhiên hằn sâu trong ký ức, đến khi lập làng, làm nhà ở hay định danh các sự vật, hiện tượng phục vụ nhu cầu của họ, họ thường lấy đặc điểm địa hình, tự nhiên nơi cư trú để đặt tên. Làng người Cơ Tu được định danh trong điều kiện đó. Tên gọi của ngôi làng thường lấy tên khe, suối, tên cây cối để đặt tên, hoặc lấy tên người có công đầu lập làng để đặt tên làng. Những tên gọi như thế luôn bền chặt với thời gian, bởi thiên nhiên luôn bất biến.

Với tộc người Cơ Tu, làng là đơn vị lớn nhất của tổ chức xã hội cổ truyền. Tập hợp một làng có chừng hai mươi đến ba mươi hộ gia đình mà thành. Thành viên trong làng có thể vài ba trăm người, có làng ít hơn thế. Xưa kia, mỗi làng có hai đến ba cơ bhub/tô bhub, tập hợp sinh sống trong những ngôi nhà dài liền vách nhau. Có nhà dài vài chục sải tay, thẳng có nhà dài đến trăm mét liền vách, đủ để các thành viên cùng huyết thống sinh sống. Mỗi gia đình được đặt một bếp riêng. Thế nên tính khép kín của làng tồn tại rất lâu trong lịch sử phát triển tộc người. Và theo đó, luật tục quy định quan hệ hôn nhân nội dây, dây chuyền hình thành từ sự khép kín để bảo vệ sự xâm hại từ bên ngoài. Do tính chất của phát triển kinh tế đốt rừng lấy rẫy trồng lúa và thường thay đổi rẫy canh tác sau vài năm nên làng người Cơ Tu có thay đổi theo quá trình phát triển của lịch sử. Từ ngôi làng theo mô hình thuẫn (ovale), dần biến thành hình tròn, hình quả xoài và nay một số làng biến mất hình dạng ban đầu như vốn có truyền thống từ trước. Gươl đôi khi không nằm giữa làng mà được thiết kế xây dựng tại điểm nào đó trong làng xét thấy thuận lợi nhất, có sân rộng để các thành viên trong làng đến dâng lễ và giao tiếp với dâng trong những lần lễ hội. Vùng thấp Cơ Tu phương như các làng Tà Lang, Gián Bí (xã Hòa Bắc), làng Phú Túc (xã Hòa Phú) đều thuộc huyện Hòa Vang đã không còn mô hình ngôi làng ovale truyền thống. Tại địa bàn định cư mới này, làng được bố trí hai bên trục lộ, nhà người dân quay mặt ra đường, sắp xếp kiểu nhà mặt phố. Gươl làng cũng được sắp vào hàng ngang như thế. Không gian làng truyền thống đã bị phá vỡ.

Một làng người Cơ Tu được quy định bất thành văn, không có sơ đồ cụ thể mà men theo đường khe, suối, đồi, bờ đá, dòng sông, cánh rừng, cây to, nguồn nước, ... để phân định ranh giới giữa các làng. Trong làng có đủ các điều kiện tự nhiên như nơi làm nương, nơi làm nhà cho các thành viên, nơi làm kho lúa, có khu đất sản xuất, có khu rừng thiêng, có khu chăn thả trâu, bò, có nguồn nước, có khe, suối, có khu săn bắt thú rừng, có nơi chôn cất người chết, ... đủ để tổ chức như một xã hội thu nhỏ, với đầy đủ các điều kiện để con người có thể sinh sống tồn tại và phát triển.

Xưa kia làng người Cơ Tu có hàng rào kiên cố, có cấm chông, thò để bảo vệ làng, chống lại các loại thú dữ thâm nhập làng, nhất là người ngoài làng đột nhập vào làng, như đòi nợ “giặc mùa”, hoặc các làng thường tấn công nhau lấy của cải và bắt con gái về làm vợ chẵn hạn. Thời chống Pháp, chống Mỹ, làng có hàng rào kiên cố hơn để chống giặc ngoại xâm. Làng có hai cổng ngõ vào ra tại đầu làng và cuối làng. Tại đây thường đặt những bức tượng thần điêu khắc gỗ, chống lại các loại ma xấu, ma rừng vào làng quấy nhiễu cộng đồng. Mọi vi phạm không gian làng đều được luật tục làng quy kết thành kẻ phá hoại và chiến binh của làng sẽ cầm vũ khí bảo vệ làng.¹⁰



Tượng ma thuật tạc trên cây

(Cliché: Les chasseurs de sang, 1938)



Cổng làng ngăn cản ma rừng đặt tại cổng làng

(Cliché: Péron, 1938)

Một bài ca về người chiến binh, Le Pichon sưu tầm được vào năm 1938, chép trong *Les Chasseurs de sang*:

¹⁰ Tại nương, chỉ có đàn ông chưa vợ, những vị già làng được nghỉ qua đêm, mục đích canh giữ bảo vệ làng, chống lại mọi hình thức ngoại nhập vào làng. Họ là những chiến binh của làng, có một người trong số những người thuộc Hội đồng già làng nắm giữ sức mạnh làng.



Các chiến binh của làng
(Cliché: Latouille trong *Les chasseurs de sang*, 1938)



Chiến binh Cơ Tu (Le Pichon, 1938)

*Tôi đã giết hơn trăm người
Và phóng hai mươi lần mũi lao của tôi vào mỗi thân người
Lao của tôi dài và gỗ của nó mềm mại
Nó rung trong bàn tay*

*-Tôi sẽ rình trong rừng những người làng Ba nót, vì đó là những con chó
Khi chúng trở lại các rẫy vào ban đêm*

*Tôi sẽ rình chúng trong rừng
Tôi sẽ phóng hai mươi lần mũi giáo của tôi vào thân thể chúng.*

Trong Hồi ký Quách Xân, phần *Trời động*, ông viết: “Một buổi chiều, phía trời tây trời có ráng úa, lờn vờn nhiều chòm mây xám xịt, có ngấn tím bầm, mới nhìn tưởng trời sắp mưa, nhưng các cụ nhiều kinh nghiệm, nhìn khắp bốn phía chân trời, rồi nhìn nhau, bất giác thốt lên: “Trời động rồi!”

“Trời động rồi ! Câu này được loan đi rất nhanh khắp các thôn xóm và gieo nỗi kinh hoàng cho những gia đình có người thân đi làm ăn trong rừng núi”¹¹ Đây là báo hiệu cho mùa săn đầu bắt đầu vào cuộc.¹² Trong hồi ký, phần “Chiến sĩ giặc mùa”, Quách Xân viết: “Năm ba anh đã ra rừng chặt ống lồ ô non về đưa cho mẹ hoặc cho vợ. Không một lời nói, các bà, các chị hiểu ý định của con, của chồng, lo đi giã nếp ninh xôi trong ống lồ ô (...)” “Rồi một buổi chiều, khi mặt trời đã rọi xuống bên kia núi, họ choàng mền chũm thấp, mang tlec, vác dao cán dài trên hai sải, lặng lẽ ra rừng ngủ, người này đi, người kia đi theo, không ai rủ ai, nhưng tất cả đều đi về một hướng. Gia đình, làng xóm biết họ đi đâu, đi làm gì nhưng không ai hỏi họ một lời, không ai dặn dò, không ai tiễn đưa, không ai chúc tụng thành công. Cha

¹¹ Trung tâm Khoa học và xã hội Nhân văn Đà Nẵng, Đại học Đà Nẵng (12/2000), *Giặc mùa*, hồi ký *Quách Xân* phần *Trời động*. Tập san Ngok Linh số 1. NXB Đà Nẵng.

¹² Sau những năm 1950, tục ‘giặc mùa’ giữa các làng giáp ranh người Kinh với Cơ Tu vùng núi Trường Sơn dần bãi bỏ. Bài ca trên ra đời trong thời gian đòi nợ đầu phổ biến giữa các làng Cơ Tu.

mẹ, vợ con lặng lẽ nhìn họ ra đi với cặp mắt nghiêm trang, sâu thẳm như cặp mắt con chiên ngoan đạo nhìn ảnh chúa”.¹³



Planche LXVIII. — Crâne-maléfice, dans un poteau,
à Ok-Ba-Lua. (Clichés DELOUSTAL).

Hộp sọ trong một cây cột tại Ok-Ba-Lua ¹⁴

(Ảnh: Deloustal trong *Les chasseurs de sang*, 1938, Le Pichon)

Thời đòi nợ “giặc mùa”, khi chàng trai vác lao mác ra đi vào rừng sâu, núi thẳm, đến một làng chưa hề quen biết và cũng chưa một lần gặp gỡ người làng để lấy máu không chút ray rứt băng khuâng. Các cô gái trong làng tiễn đưa các chàng trai ra đi bằng những lời động viên đầy tinh thần “khát khao chiến thắng vì máu lửa”. Họ thúc giục các chàng trai ra đi mang “thắng lợi” trở về với lời lẽ thiết tha: *Em hứa cùng chị trong thôn nấu cơm nếp dẻo dãi anh, xắt thuốc thật nhỏ tặng anh, bận áo quần đẹp nhất đón anh từ xa, múa da dỏ thật mềm dẻo để mừng anh trong ngày anh về. Em chờ anh và làm vui lòng anh !*¹⁵

¹³ Trung tâm Khoa học và xã hội Nhân văn Đà Nẵng, Đại học Đà Nẵng (12/2000), *Giặc mùa*, hồi ký *Quách Xuân*. Tập san Ngok Linh số 1. NXB Đà Nẵng.

¹⁴ Ok-Ba-Lua: nay không rõ (VVH).

¹⁵ Trung tâm Khoa học và xã hội Nhân văn Đà Nẵng, Đại học Đà Nẵng (12/2000), *Giặc mùa*, hồi ký *Quách Xuân*. Tập san Ngok Linh số 1. NXB Đà Nẵng. Quách Xuân là cán bộ lão thành cách mạng hoạt động vùng núi Quảng Nam, mất năm 1999.

2. Cấu trúc làng, các thực thể của làng

Tộc người Cơ Tu tại miền Tây Quảng Nam, Đà Nẵng sinh sống dọc theo sườn đông dãy Trường Sơn theo từng điểm dân cư, tạo thành làng Cơ Tu, mỗi làng có tính biệt lập với thế giới bên ngoài theo cách tương đối. Bởi họ có mối quan hệ trao đổi hàng hóa với người Kinh miền xuôi. “Họ gọi người Kinh là Adhuộc, gọi người Chăm lên vùng cao trao đổi hàng hóa với họ là Hời, người Ve là Bhe/ Bhê, người T’riêng là Cà Tang, người Tà Ôi là Tôi-ôih hoặc Axáp hay Alông.”¹⁶ Điểm trao đổi hàng hóa xưa kia thường tập trung tại làng Hội Khách (xã Đại Sơn, huyện Đại Lộc) và tại hai bên sông, đó là bên Hiên và bên Giăng (thuộc huyện Hiên Giăng). Làng Cơ Tu có tính tự quản cao, cộng đồng làng luôn là yếu tố quan trọng chi phối mọi hoạt động của các thành viên trong làng, kể cả các cơ cấu sinh sống trong làng. Chủ làng nắm giữ công cụ quản trị làng trên cơ sở tập tục đã chuyển hóa thành luật tục. Những luật tục được thực thi bằng truyền miệng, không/chưa ghi thành văn bản nhưng có tác dụng quản trị làng nghiêm khắc bằng những quy định, quy tắt điều chỉnh đến với mọi thành viên trong làng. Hội đồng già làng luôn hỗ trợ chủ làng thi hành luật tục. Chủ làng, các vị già làng luôn là người nêu gương và chủ làng là người ra những quyết định quan trọng đối với làng.

Bởi mỗi làng Cơ Tu có tính độc lập tương đối, nên tổ chức xã hội truyền thống của làng khép kín hoàn chỉnh trong chế độ tự quản trị làng. Do đó, làng Cơ Tu ổn định về mặt tổ chức, các thành viên trong làng không vượt ra ngoài luật tục do làng quy định. Kinh tế, văn hóa, xã hội do đó ổn định.

2.1. Cấu trúc làng

Làng Cơ Tu thường thiết lập trên sườn núi cao, họ không chọn những thung lũng hay bồn địa, vì ở đó nhiệt độ cao, gió lại ít thông thoáng, các loại bệnh nhiệt đới thường phát sinh tấn công vào tiềm năng thể lực của họ. Do vậy, trên sườn núi cao, những nơi thoáng đãng, họ chọn để lập làng. Do địa hình sườn đồi, dốc núi nên đường đến làng luôn khó khăn, trắc trở, ngoằn ngoèo, nhiều dốc ngược để tránh thú dữ và phát hiện ra nhanh chóng những người ngoại nhập vào làng, nhất là kẻ thù của làng luôn là mối đe dọa đến sự tồn vong của làng. Đó là hệ quả dùng dằng lâu dài với tục ‘giặc mùa’ và đánh vào làng bắt phụ nữ làm vợ (Quách Xân). Từ những năm 1950 về sau, ‘giặc mùa’ dần được vận động bãi bỏ. Chính tục lệ này đã phần nào tạo cho các chủ làng ra quyết định thành lập làng ở những khu vực núi cao, nhiều trắc trở để bảo toàn được lực lượng và các thành viên trong làng.

Để chọn một khu vực lập làng, mọi việc thuộc về quyền quyết định của làng/thần, trong đó có ý kiến của Hội đồng già làng¹⁷ là những tư vấn quan trọng,

¹⁶ Theo: TS. Lưu Hùng (2005), *Góp phần tìm hiểu văn hóa Cơ Tu*, NXB Dân tộc.

¹⁷ Hội đồng già làng là tổ chức tự nguyện, không bầu chọn, hễ ai là người già của làng là tham gia vào Hội đồng này.

đề xuất các phương án chọn lựa giúp chủ làng ra quyết định sau cùng để thực hiện. Sinh hoạt như thế cũng là hình thức phát huy khiếu dân chủ trong các công xã. Sau chọn đất phải chờ vào sự linh ứng của giấc mơ do chủ làng nghiệm thấy.



Cấu trúc làng Cơ Tu (St)

(Nhà được lợp bằng tôn thay cho lá cọ, đùng đình hoặc lá song; mái nhà cắt góc không còn cấu trúc tạo hình thuận như nhà truyền thống xưa của người Cơ Tu)

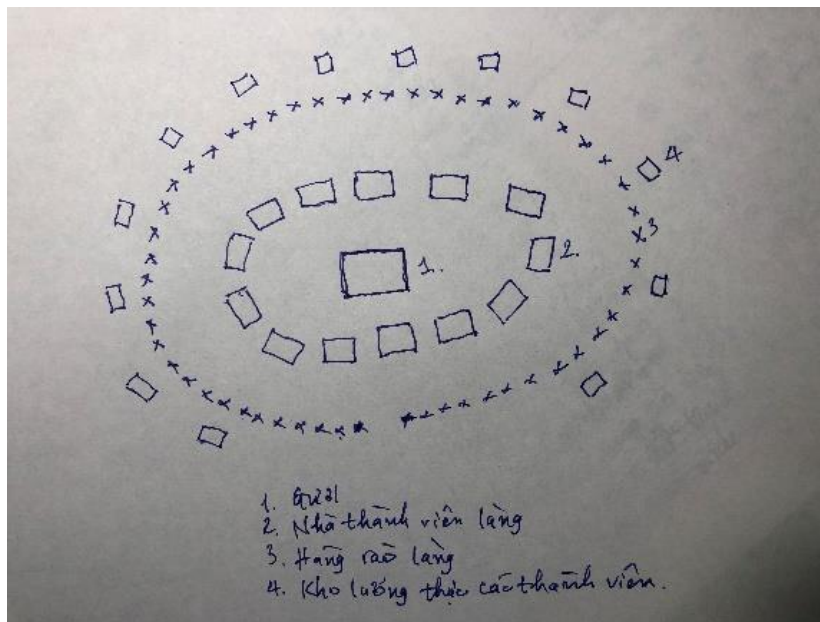
Trên một khu đất rộng, làng Cơ Tu thiết kế theo hình thuận - hình ovale - chính giữa là gươl. Các thành viên của làng có ít nhất là từ hai cơbuh trở lên. Nhà của các thành viên hướng cửa trước mở ra trông về phía gươl. Đôi khi tìm gặp mô hình làng có hình tròn, hoặc hình hai đầu kéo dài ra như trái xoài tượng. Tuy nhiên, dầu theo mô hình nào, nhà của các thành viên đồng nhất quay mặt về trung tâm làng. Nhìn tổng quát ngôi làng Cơ Tu, điều dễ nhận ra tính cố kết cộng đồng cao do yếu tố gia đình hòa vào với yếu tố cộng đồng. Các hộ gia đình được sắp xếp liền kề gần nhau, liên kết thành vòng tròn khép kín, mỗi hộ không tự đặt ra công ngõ, hàng rào cho riêng nhà mình mà phối hợp chung trong tổng thể một ngôi làng. Điều đó cho hay rằng tộc người Cơ Tu chưa phân hóa riêng tư sâu sắc.

Theo các già làng vùng Cơ Tu, người Cơ Tu thiết lập ngôi làng theo mô hình thuận phát, phù hợp với điều kiện địa hình, khí hậu và đặc biệt ứng xử tốt với môi trường, trong đó chú ý đến hỏa hoạn, cháy rừng bất thường có thể làm tổn thất nguồn lương thực. Do đó, người Cơ Tu thiết kế ngôi làng có bốn vòng tính từ trong ra.

Gươl bao giờ cũng thiết trí ngay trung tâm làng (hoặc vì lý do địa hình có thể dịch chuyển sang bên. Nhưng nhất thiết gươl phải là điểm để mọi thành viên của làng mở cửa chính căn nhà ra là có thể nhìn thấy được gươl. Thời xưa, theo ký ức già làng Bh'riu Pố, tại thôn A Rớh, xã Lãng, huyện Tây Giang, cấu trúc một ngôi làng Cơ Tu (cho dù là làng nhỏ) thường có bốn vòng, theo hướng từ trong ra ngoài, lần lượt như sau:

1. Trong cùng là gươl,
2. Dãy nhà các hộ gia đình,
3. Hàng rào làng,
4. Kho lương thực (*cor lăng ha ro* của các hộ gia đình).

Các nhà thành viên thường bố trí cách nhau từ 8 – 9 mét trở lên nhằm phòng xảy ra hỏa hoạn; đồng thời tránh tình trạng nước mưa từ mái nhà này bắn sang mái nhà khác, hoặc đến hiên nhà kia. Đây là điều kiêng cử, cho rằng đó là việc gây chết người (quan niệm tâm linh).



Mô hình ngôi làng Cơ Tu
(theo ký ức già làng Bh'riu Pố)

Tuy nhiên người Cơ Tu vùng Cơ Tu dal không thiết trí kho lúa (*cor lăng ha ro*) mà họ cất đặt các bồ lương thực trên giàn bếp nhà của họ.

Để lập nên một làng, điều đặt ra cho Hội đồng già làng và Chủ làng là phải dựa vào thiên nhiên như thói quen vốn được thiết lập từ xa xưa trong lịch sử, nhưng đảm bảo các môi quan hệ cần thiết cho cuộc sống. Đó là: 1/ Phải có nguồn nước cho làng để uống và sinh hoạt; 2/ Phải có đất rừng để sản xuất lúa gạo và hoa màu khác bổ trợ cho cây lúa không đủ giáp hạt; 3/ Phải có khu rừng chăn nuôi các loại gia súc;

4/ Phải có đất dùng làm nơi chôn cất người chết; 5/ Phải có khu rừng thiêng, nơi các đàn (đá thần) trú ngụ và là nơi chôn nhau khi các bà mẹ sinh đẻ; 6/ Đồng thời, bên ngoài khu dân cư còn có chỗ để thiết trí các công trình phụ như chòi rẫy, nhà kho, zong, chòi đẻ.

Xưa kia, làng Cơ Tu luôn có cổng làng và hàng rào kiên cố. Các chiến binh của làng luôn tập trung tại gươl làng hàng đêm, canh gác, bảo vệ làng đánh đuổi thú dữ, và mọi hình thức ngoại nhập khác vào làng. Đây là điều cần thiết trong sự cản trở của cả làng, nhất là đội chiến binh nắm giữ sức mạnh của làng. Thế nên, cách nay trên trăm năm (vào những năm 1930 – 1940 của thế kỷ trước), để đến được một làng người Cơ Tu là điều hết sức khó khăn, cách trở và nguy hiểm. Như vậy, làm thế nào để vào làng khi chưa biết bên trong làng Cơ Tu gì đang thực hiện kiêng cử và gì là sơ khoáng được. Năm 1975 về trước điều kiện vào làng Cơ Tu trước hết khách phải thực hiện bằng cách: Đứng ngoài cổng làng, gọi với vào hỏi xem làng có đang kiêng cử gì không ? Cử một ngày hay mấy ngày ? Nếu cử một ngày hãy chờ đợi người làng mời vào. Nếu cử hơn một ngày thì khách phải tự quay về làng mình. Nhưng nếu khách tự ý vào làng đang khi làng đang cử kiêng thì chắc chắn sẽ bị phạt nặng.

Việc chọn đất lập làng đối với người Cơ Tu là rất quan trọng, bởi liên quan đến sự phồn vinh hoặc suy vong của làng, nên việc thực hiện nghi lễ xin đất là hết sức cần thiết và hoàn toàn chi phối do tín ngưỡng dân gian quyết định.

Nguyên nhân/ lý do chọn đất thiết lập làng mới có nhiều cách giải thích khác nhau, song nguyên nhân trực tiếp thường là: 1/ Do dịch bệnh vô phương cứu chữa, gây chết người hàng loạt (dù nhà ở của người dân vẫn còn tốt); 2/ Do hay xảy ra chết tai nạn (chết xấu – chết mê), gặp thiên tai, địch họa, mất mùa thất bát, hỏa hoạn cháy nhà, dân làng đau ốm kéo dài ; 3/ Do làng ở đã lâu, xa đất sản xuất... Từ đó hình thành tâm lý người dân không ổn trước các hiện tượng bên ngoài tác động, phần lớn là mất mùa, đói kém, bệnh tật thường xuyên, và nhất là có người chết xấu, người dân không an tâm. Trước tình hình đó, Hội đồng già làng họp thảo luận tìm kiếm phương án tối ưu. Nếu Hội đồng đi đến quyết định dời làng thì Chủ làng có trách nhiệm tìm khu đất mới. Khu đất mới có thể trên núi cao thâm sơn cùng cốc, hoặc trên lưng chừng núi với dốc đứng đèo cao, hay tìm được một khu đất bằng thuận lợi cho đường đi lên xuống, ...

Chủ làng tập trung các Trưởng tộc họ lại tại gươl thảo luận, bàn bạc gì nên, gì không nên. Sau đó chủ làng cùng một số già làng đi tìm đất mới.

Điều kiện đặt ra khi phải chọn đất thiết lập làng mới, trước hết Hội đồng già làng, Chủ làng đến khu đất : 1/ Khảo sát lại lần nữa các yếu tố thuận lợi và khó khăn nếu như lập làng tại khu đất này ; 2/ Đến khu đất cúng dò (nhuôi xo), xem ý của thần linh thế nào, bằng một trong ba cách kính dâng lễ phẩm xin dâng. Để chọn được đất

lập cr'noon phải xin dâng tối cao (pool dâng) tức dâng Trời¹⁸. Người Cơ Tu có nhiều lễ nghi xin chọn, tùy mỗi vùng sắm lễ phẩm khác nhau. Thường là có ba cách cúng dâng :

- Đốt lóng cây đốt,
- Đốt sôi 2/3 quả trứng gà,
- Hoặc đặt trên tàu lá chuối xem hương di chuyển của con ốc hoặc con cuốn chiếu,
- Chén nước trong
- Cắm cây giáo tại nơi dâng lễ xin dâng.
- Và cuối cùng là nghe nội dung của giấc mơ tối đó của người trực tiếp cúng tốt hay là xấu.

Phổ biến khi chọn đất lập làng thường dùng lửa với cây đốt. Lửa đốt vào thân đốt, khi cháy lên cây đốt vỡ ra nổ thành tiếng kêu tách tách. Lửa cháy cây đốt, vị chủ làng khẩn vái xin dâng xem xét cho xin chỗ này lập làng.¹⁹ Chủ làng cũng là người thầy cúng, ông xin Trời (Dâng pool), và hệ thống các dâng (vạn vật hữu linh - đa thần), cho được làm nhà tại khu đất này, xin được bình an, không gặp rủi ro, bệnh hoạn. Lửa cháy, cây đốt nổ về phía dâng là được, còn nếu nổ về phía chủ làng là không được dâng chấp thuận. Khi đạt được nguyện vọng, những vị già làng trong đoàn xin đất hú vang lên thật to như cảm nhận sự bằng lòng của các dâng, ngược mặt dang tay lên trời như ngụ ý cảm ơn dâng đã cho phép chỗ đất này và đồng thuận giúp dân lập làng tại nơi này. Tiếng hú vang vào không gian tạo nên niềm tin linh thiêng, huyền bí giữa núi rừng hùng vĩ.

Sau đó, các vị già làng phát hoang một vuông đất, xem như nhận ơn ban phát của dâng. Từ hôm đó về sau, trong nội tuần, vị Chủ làng hay các vị trong Hội đồng già làng chờ đợi giấc mơ. Trong giấc mơ thấy điều tốt đẹp, liền đó phát rừng lấy đất lập làng, còn nếu giấc mơ xấu thì thôi, phải đi tìm khu đất khác.²⁰

Đến lượt giải cấu trúc giấc mơ trước Hội đồng già làng, tìm trong cấu trúc những tín hiệu tối ưu và cả tín hiệu không thể, để chủ làng đưa ra những phương án chọn lựa cho việc quyết định một việc hệ trọng liên quan đến sự thăng trầm của cr'noon - cộng đồng làng. Một trong những đặc điểm của giấc mơ là từ nói chuyện

¹⁸ Dâng: theo quan niệm tâm linh người Cơ Tu, họ tin vào dâng. Dâng/giang là thần vô hình, linh thiêng, sự tương tượng của con người với thế giới tâm linh, huyền bí. Dâng đâu đâu đều có, soi chiếu, nhìn thấu, luôn dõi theo mọi hành động của con người. Dâng là sự tương tượng những ông cai quản đất đai, núi rừng, sông nước, nhà cửa, cây cỏ, thú vật, giữ của cải vật chất cho gia đình, làng bản. Sống tốt, sống hiền, dâng ban tặng điều lành, điều tốt; sống ác, vi phạm phong tục tập quán, tùy theo mức độ, dâng phạt cá nhân, dòng tộc hay cả làng. Tội nặng gặp rủi ro, ốm đau, dịch bệnh, chết xấu, tội nhẹ mất mùa liên miên, xui xẻo, ốm yếu, nghèo khó, ... (Tư liệu điền dã, ông Y Kông (Đông Giang), 5/2017).

¹⁹ Lửa trong nhiều truyền thuyết của nhân loại, là biểu trưng của sự tỏa sáng, tình yêu và lửa tẩy sạch sự ô uế ra khỏi đời sống khổ đau của con người. Đốt lửa xin đất lập làng là cách tìm sự tỏa sáng từ dâng.

²⁰ *Giấc mơ tốt*: được của quý, trời nắng đẹp, có người cho của,... *Giấc mơ xấu*: gặp rắn độc, gãy cán rựa, cán giáo, bể chén bát, chết nước, bị la rầy,... Xem chân gà thấy xấu cũng không chọn khu đất đó.

sang nhìn. Người thấy được giấc mơ chỉ còn tái hiện lại cách nhìn hình ảnh trong trí nhớ. Điều đó cho thấy nếu không có hình thức nhìn giấc mơ thì không thể nào có lĩnh vực tín ngưỡng tôn giáo để có thể giải cấu trúc giấc mơ tìm biểu hiện của ý thức. Giấc mơ được chuyển vào ý thức chủ làng, tạo ra sự biến đổi căn bản những hình ảnh nhận được trong giấc mơ, tức bản chất của giấc mơ đã bị biến đổi một phần nào đó. Và do đó, chủ làng có thể tạo nên sự liên tưởng từ giấc mơ đến hiện thực. Theo đó, kể lại giấc mơ để giải cấu trúc về nó, vị trí trong giấc mơ có thể bị đảo lộn, một số hình ảnh bị mờ nhạt đi, kéo theo mức độ tổ chức giấc mơ bị người kể phóng đại lên so với chiêm bao thực thấy. Như thế khi chủ làng trần thuật lại với Hội đồng già làng về giấc mơ là con đường dẫn đến vô thức, và giải cấu trúc giấc mơ trước Hội đồng già làng là một dạng của vị chủ làng với những ham muốn lập được làng tồn tại trong vô thức. Bởi người thể hiện giấc mơ tập trung, chứa đựng sự dồn nén, có thể là sự thăng hoa của những ẩn chứa tồn tại trong vô thức trước nhiệm vụ lớn lao mà người làng kỳ vọng đặt lên vai vị chủ làng. Nhưng mặt khác, giấc mơ được báo mộng đã có yếu tố áp đặt chủ quan của người thấy chiêm mộng và nghiệm về nó.

Mỗi làng có hai cổng (cơ rieng), một cổng chính và một cổng phụ đối xứng nhau, được làm đẹp và bền chắc. Cổng có cửa mở ra, đóng vào được. Xưa nay, cửa được đóng cả đêm, phòng thú dữ và kẻ xấu tấn công làng.

Nhà chung của làng (gọi là guol), do tập thể dân làng dựng nên. Đó là ngôi nhà cao, to, rộng, đẹp và linh thiêng nhất làng. Tất cả mặt tiền của nhà các thành viên đều hướng về guol.

2.2. Các thực thể hoạt động của làng

Trong một làng người Cơ Tu, cấu trúc xã hội cổ truyền có các cấp độ từ cao đến thấp:

- Thứ nhất: đứng đầu là Hội đồng già làng, tập hợp trên cơ sở tự nguyện, không hạn chế số lượng người già. Hình thức tập hợp không bầu cử.
- Thứ hai: Già làng/Chủ làng (người Kinh quen gọi Già làng).
- Thứ ba: Trưởng các cơbuh.
- Thứ tư: Người chuyên nói - hát lý
- Thứ năm: Người đứng đầu các chiến binh làng. Vị này trông coi (như một tổ chức quân sự) và nắm giữ sức mạnh của làng, thực hiện quyết định của Hội đồng già làng, thông qua người đứng đầu làng, tức Chủ làng.
- Thứ sáu: Người thầy cúng. Vị này thực hiện cúng dàng, cúng hệ thống dàng trên cơ sở niềm tin trong tín ngưỡng của người dân làng, thực hiện đúng theo nghi lễ của tập tục làng. Thường, Chủ làng cũng là thầy cúng.

Về hoạt động thực tiễn, thể hiện ở các mặt:

2.2.1. Hội đồng già làng

Là tập hợp một số người già trong làng, không tính số lượng ít hay nhiều, hễ cứ ai là người già trong làng được tham gia vào Hội đồng này. Phần lớn cơ cấu các trưởng tộc họ trong làng. Hội đồng làng như một bộ phận tham mưu, giúp việc cho Chủ làng đưa ra những quyết định quan trọng và cần thiết liên quan đến mọi phương diện tồn vong của làng. Bởi tập thể này luôn được cho là người nắm và điều hành các phong tục, tập quán làng, từ nắm vững và thực hiện các nghi lễ đến đưa ra dự báo thời tiết, mưa lũ, thời điểm vụ mùa bắt đầu, xin đất đốt rừng làm rẫy, phát nương, ...

2.2.2. Vị già làng/chủ làng

Đây là người nắm giữ quyền lực cao nhất của làng, là người đứng đầu bộ máy gồm 6 thực thể tạo thành hệ thống cấu trúc quản trị làng. Già làng là người có quyền đưa ra những quyết định liên quan đến làng và mọi người (kể cả những việc tương riêng cho mỗi gia đình như sinh đẻ, chết chầu, nam nữ vi phạm luật đi zong, ngu duông...). Bởi vị già làng là người có công đầu tiên tìm ra được đất và lập nên được làng, theo đó, vị già làng là người có gốc gác sinh sống lâu đời tại làng, nên già làng có quyền uy, uy tín trong cộng đồng làng, được mọi thành viên kính trọng, tôn vinh. Theo cách chọn lựa như thế, vị chủ làng được thực hiện theo hình thức *cha truyền con nối*²¹

2.2.3. Người nói lý - hát lý

Người nói lý - hát lý có vai trò quan trọng trong cộng đồng làng, thường được xếp vào vị trí thứ ba trong tổ chức xã hội truyền thống Cơ Tu. Người nói - hát lý có khả năng nhận định hiện tượng và tính chất của sự vật và hiện tượng khác nhau nên ứng đáp tại chỗ kịp thời, hòa giải nhiều khúc mắc hay gặp trong cuộc sống một cách nhanh nhất và thuyết phục nhất. Theo chức năng đó, người nói - hát lý được xem như người phán xử (quan tòa) những mâu thuẫn (nếu có) xảy ra trong làng, hoặc với các làng khác. Hình thức sử dụng của người nói - hát lý là kiến tại, không ghi ra giấy để đọc mà ứng khẩu theo hoàn cảnh nói năng và tình huống đưa ra trong bối cảnh cần được làm cho thông cảm, trên tinh thần thương lượng hòa giải, để tìm lấy sự đồng thuận chung giữa sự việc này với sự việc khác. Hoặc giữa hai làng với nhau, trên tinh thần đoàn kết nhất trí. Do đó, nói - hát lý không chuẩn bị trước, hình thức cách điệu theo lối ẩn dụ này tập trung lấy phương thức đoàn kết, thương yêu nhau trên cơ sở nghĩa tình cộng đồng làm cho đôi bên thông cảm, cởi mở tâm lòng để giải quyết vấn đề nào đó có liên quan đến làng. Trước những năm 1950, hình thức nói -

²¹ Tuy nhiên, trong một làng có hai tộc họ, và do sự thay đổi bởi nhiều yếu tố khách quan, hoặc chủ quan, vị già làng có thể sẽ được các thành viên Trưởng tộc họ trong làng bầu. Tại thôn Giản Bí, xã Hòa Bắc, huyện Hòa Vang, tháng 12 năm 2018, vị già làng Bùi Văn Cẩm mất, các thành viên đứng đầu mỗi tộc họ họp bầu vị già làng khác theo cách chọn người cùng tộc họ. Hiện tại chủ làng thôn Giản Bí là ông Bùi Văn Siêng. Chủ làng thôn Tà Lang là ông Trần Văn Khót. Chủ làng thôn Phú Túc là ông A Lãng Cần.

hát lý gần như không được sử dụng giữa hai làng vì nhiều nguyên nhân, trong đó có nạn ‘giặc mùa’ gây nghi kỵ nhau dai dẳng. Từ sau năm 1950, các làng Cơ Tu mở ra một chừng mức nào đó để giao lưu, tiếp nhận quan hệ với các làng khác. Hình thức nói - hát lý được sử dụng giữa hai làng, làm cho sự việc bất chợt diễn ra dù khó mấy cũng dần hiểu nhau trên cơ sở những câu đối đáp thấu tình đạt lý. Và cũng từ đó, dần hình thành lễ ăn thề kết nghĩa anh em giữa hai làng được tổ chức hằng năm trong lễ hội đâm trâu.

Nói - hát lý còn được tổ chức trong việc cưới, việc tang, trong hội hè, những cuộc vui mừng lúa mới, mừng nhà mới, mừng gươl.

2.2.4. Thủ lĩnh sức mạnh của làng

Vị này được thanh niên trai tráng trong làng bầu lên do là người khỏe mạnh, có uy tín, được chọn nắm giữ đội chiến binh của làng (như sức mạnh quân sự). Hội đồng già làng tham mưu cho Chủ làng đưa ra quyết định chọn lựa. Hoặc nhiều trường hợp có nhiều chiến binh giỏi phải được dân làng lựa chọn. Để hoàn thành nhiệm vụ, vị thủ lĩnh phải khỏe, có sức mạnh phải biết sử dụng thành thạo các loại vũ khí chiến đấu và đồng thời cũng là vũ khí sẵn sẵn truyền thống của họ, như giáo mác, cung tên, kiếm, mã tấu (cha hôi), khiên, tên, nỏ, lao tre nứa,...; biết và thuộc đường rừng, có nhiều mưu kế trong săn bắt thú rừng và chống lại lực lượng ngoại nhập vào làng.



*Đội chiến binh làng
(Le Pichon, 1938)*



*Một chiến binh
(Võ Văn Hòe, 2019)*

2.2.5. Thầy cúng

Người chủ lễ trong những lần cúng tế cộng đồng phải là chủ làng, nhưng bên cạnh chủ làng, chánh lễ có những già làng, các trưởng tộc họ giúp sức. Tất cả họ đều gọi chung là thầy cúng. Thầy cúng, trước hết phải am hiểu phong tục, tập quán làng,

phải nắm được nguyện vọng của dân làng, phải am hiểu nhiều việc liên quan đến tín ngưỡng tâm linh, cả tri thức bản địa về thời tiết, về làm ruộng, làm các loại nhà và nhất định phải biết hệ thống dàn dăng ngày đêm gắn kết với làng. Thỏa mãn các tiêu chí đó, cũng còn cần có thêm tiêu chí về đạo đức, lối sống mới có thể được chọn lựa làm đại diện các thành viên trong làng để đạt nguyện vọng của thành viên lên dàn. Vị này thay mặt dân làng trong những lễ hội lớn như lễ đâm trâu, lễ mừng lúa mới, hoặc lễ ăn thề kết nghĩa anh em giữa các làng để đạt nguyện vọng lên dàn và xin dàn giúp cho người dân làng bình yên trong cuộc sống, quan hệ anh em đoàn kết, thuận hòa. Ngoài ra, thầy cúng (thường chủ làng đảm nhận công việc này) còn giúp cho các gia đình trong làng những khi hữu sự, như có việc ma chay, việc cưới hỏi, việc làm nhà mới, lễ đâm trâu của hộ gia đình; đôi khi cả việc sinh đẻ người thầy cúng cũng giúp đỡ mọi mặt trong phạm vi tín ngưỡng tộc người.



*Già làng Bh'riu Pô,
thôn A rât, xã Lăng
trong một lễ cưới*



*Ông Bhlng Hạnh (giữa) với nghi lễ huyện Tây Giang chủ lễ
chọn đất bằng lúa và dây đốt
trong một lễ cưới (Ảnh: Sơn Gia Phúc)*

Và đôi khi, người thầy cúng được tin tưởng nhờ cậy, dùng pháp thuật chữa bệnh bắt ma, trừ tà, giúp người bệnh bằng những bài thuốc dân gian mà ông nắm giữ. Ông rất được các thành viên trong làng kính nể.

3. Luật tục quản trị làng

Luật tục là phong tục, tập quán trong cộng đồng làng được chuyển hóa thành luật lệ, thành quy ước chung mà mọi thành viên trong cộng đồng làng phải thực thi.

Trong một làng người Cơ Tu, người già được xem trọng, bởi họ đã từng trải nghiệm trong cuộc sống, họ nắm giữ và xem là người đại diện cho phong tục, tập quán, sinh hoạt cộng đồng, họ am hiểu nhiều vấn đề liên quan đến sự tồn vong của làng, của các thành viên trong làng. Do đó, những già làng được cho là mẫu mực để giữ gìn luật tục tộc người. Luật tục Cơ Tu ra đời từ khi nào? Xã hội có giai cấp, con người đặt ra luật lệ thì luật tục ra đời khi xã hội chưa có giai cấp. Như vậy, luật tục Cơ Tu ra đời từ rất sớm, khi chưa có chữ

viết, luật tục chỉ truyền miệng từ đời này sang đời khác. Người nắm giữ luật tục là Hội đồng già làng, Chủ làng và Trưởng các tộc họ. Luật tục như tấm gương phản chiếu toàn bộ xã hội cổ truyền của tộc người Cơ Tu, trong đó có hoạt động kinh tế, văn hóa, xã hội tộc người. Tuy hình thức phổ biến bằng truyền miệng, nhưng việc thực thi luật tục rất được coi trọng và nghiêm khắc khi áp dụng vào đời sống thường ngày. Luật tục điều chỉnh hầu hết các hoạt động con người từ cá nhân đến tập thể dân làng, từ không gian sinh tồn, đến tổ chức gia đình, tộc họ, từ hôn nhân gia đình đến tín ngưỡng, tang ma, nghi lễ, ...đều có bóng dáng tương thích của luật tục ẩn hiện đằng sau các hoạt động nhằm điều chỉnh hành vi vi phạm luật tục.

Già/ chủ làng nắm giữ luật tục, trên cơ sở thông thạo các luật lệ thường diễn ra trong cộng đồng từ lễ hội đến các tục lệ gắn với vòng đời người, các lễ nghi trong lao động sản xuất và tục lệ bảo vệ làng, từ đó chuyển hóa thành công cụ để quản lý, điều hành mọi hoạt động của làng. Thế nên, vai trò của già làng rất quan trọng trong tổ chức xã hội truyền thống tộc người Cơ Tu. Người đứng đầu làng cũng là thủ lĩnh tinh thần, có khả năng tập hợp dân làng và thực hành các chức năng tập tục gắn với cộng đồng làng. Theo đó, các nghi lễ từ cộng đồng đến mỗi cá thể trong cộng đồng đều gắn chặt với cộng đồng, khó tách rời ra khỏi những lệ ước do làng quy định nên.

Các tộc người vùng cao miền tây tỉnh Quảng Nam như người Ca Dong, Xơ Đăng, Cor, người Ve, ... vị già làng cũng có vai trò quan trọng trong một làng như thế. Thành viên trong làng Cơ Tu sống thuận hòa, tình nghĩa gắn kết nhau trong mối quan hệ lấy cộng đồng là biện pháp tư duy chủ toàn. Cá nhân không thể tách rời khỏi cộng đồng mà tồn tại được. Theo đó, làng hình thành nên những chuẩn mực riêng (mỗi làng có thể có sự khác nhau tương đối, cả về ngôn ngữ) nên khép kín và vững chắc từ quan hệ trong đến ngoài làng, dần hình thành nên những giá trị văn hóa dân gian vững chắc; đồng thời nhiều giá trị văn hóa gắn với rừng núi, tồn tại qua nhiều đời bền vững, ăn sâu vào từng số phận đời người. Do làng người Cơ Tu khép kín do sự điều chỉnh của luật tục nên qua hàng bao thế kỷ từ những năm 1940 về trước, các làng Cơ Tu không có quan hệ giao lưu tiếp biến của nhau. Đôi khi các làng Cơ Tu đối kháng nhau thể hiện trong tục “giặc mùa”, tục này cũng do luật tục quy định cho làng. Trong không gian văn hóa dân gian đó, các thành viên trải nghiệm cả cuộc đời mình, được trao truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác trong điều kiện có thể. Nhà nước chưa đủ năng lực để quản lý một hay nhiều cộng đồng như thế trong điều kiện lịch sử nhất định – cụ thể – phù hợp với thời đại, do đó các luật tục, lệ ước phát huy vai trò điều chỉnh các mối quan hệ xã hội, trong đó có vai trò của quản trị làng. Trước những năm 1950, người Cơ Tu chưa có chữ viết, theo đó mọi sinh hoạt từ văn hóa, kinh tế, xã hội cổ truyền đều trao nhận qua truyền khẩu. Cả luật tục cũng được truyền miệng trong cộng đồng từ thế này sang thế hệ khác. Mặc dầu chưa có văn tự để ghi chép luật tục, nhưng luật tục tích cực trong việc quản trị làng, từ hành vi nhỏ nhất đến hành vi lớn nhất ảnh hưởng đến làng. Từ ứng xử với rừng núi, với thiên nhiên, với con người, ... Bây giờ chủ làng là người nắm giữ luật tục, điều chỉnh các hành

vi phạm. Luật tục Cơ Tu tham gia quản trị làng, có tác dụng hầu hết đến các mối quan hệ đời sống dân làng. Và vì làng Cơ Tu có tính khép kín (từ 1975 về trước) nên luật tục mang tính địa phương của cộng đồng cư trú.

Như thế, trong quá trình phát triển của người Cơ Tu, luật tục quản trị làng mang đậm dấu ấn văn hóa tộc người được sản sinh, lưu truyền trên cơ sở phong tục tập quán được thể chế hóa thành luật tục, đến lượt luật tục giữ vai trò điều chỉnh các mối quan hệ trong cộng đồng Cơ Tu. Đây được xem là nguyên tắc để quản lý, điều hành xã hội cổ truyền Cơ Tu.

Làng Cơ Tu, ngôi nhà gươl được thiết trí giữa làng, là ngôi nhà chung (gọi nhà cộng đồng), nơi diễn ra nhiều sự kiện quan trọng liên quan đến cộng đồng.



Già làng A Lăng Cản (Tà Lang, Hòa Bắc)
(Ảnh: Đinh Thị Hựu, 2019)



Già làng làng Sa Mơ²²
(1938, ảnh: Le Pichon)

Từ lễ đâm trâu, lễ mừng lúa mới (cha roo ta me), lễ kết nghĩa ăn thè (anh em với các làng lân cận), ... đều diễn ra tại gươl làng. Tại đây, gươl là nơi giao tiếp giữa con người với thần linh thông qua cây cột lễ và cây nêu là biểu tượng trung cho sự kết nối giữa Trời với Người. Con người kết nối với hệ thống dàn nhằm tìm kiếm ân huệ, sự giúp đỡ từ các dàn đối với cộng đồng làng, mong có được cuộc sống no đủ, không bệnh tật. Biểu tượng trước hết được nhào nặn gắn với năng lực nhận thức ban đầu của con người về thế giới tự nhiên thông qua thần thoại và ma thuật. Từ biểu tượng dẫn dắt lời nói ám chỉ, hay là sự ẩn dụ có chủ đích về mặt tâm lý con người muốn tập trung vào các biểu tượng những tầng ý nghĩa tích cực hoặc tiêu cực ngay trong biểu tượng. Trong quan niệm của người Cơ Tu về ma thuật,

²² Làng Sa Mơ, nay không rõ.

những lời nói phát ra từ biểu tượng có tác động vào nhận thức con người bằng năng lượng tinh thần mà biểu tượng có khả năng tập trung vào chính nó để trở thành sức mạnh tinh thần khi quan niệm hoặc giải cấu trúc các tầng ý nghĩa của biểu tượng. Người Cơ Tu tin rằng hình thức ma thuật hay con quỷ (quỷ ajêh) tác động tiêu cực đến đời sống của họ, thế nên biểu tượng ma rừng hay con quỷ được thể hiện dưới góc nhìn của những nghệ nhân điêu khắc gỗ dân gian. Từ tượng khắc cho biết cái cần được biểu đạt thông qua các bức tượng, ví dụ như những tượng đặt tại nhà mồ Cơ Tu hay những tượng đặt tại cổng ngõ vào đầu làng và cuối làng để ngăn chặn ma (thủy quái ca xo) hay quỷ quấy phá cuộc sống bình yên của họ. Thế nên, trong nhiều trường hợp, không đọc hay lặp đi lặp lại nhiều lần tên của các vị tiên bói là tổ tiên ông bà họ, hoặc tên ma xấu thì chắc những con ma đó sẽ làm hại con người trần tục. Theo đó, người Cơ Tu kiêng kỵ dùng bao giờ vi phạm lời nguyện, dùng bao giờ nguyện rửa tên tục một ai đó hoặc tên con ma, con quỷ (quỷ ajêh), điều này có thể sự lặp đi lặp lại, tác động vào người đó hoặc con ma con quỷ đó, cung cấp cho ma xấu một năng lượng để gây hại con người (kiểu như hình thức đọc kinh tụng niệm). Cho nên trong lễ đặt tên cho trẻ sơ sinh người Cơ Tu kiêng kỵ đặt trùng tên các vị tiên bói hoặc trùng tên ma xấu ngoài rừng. “Thời xa xưa, một câu nói độc miệng được coi là nguy hiểm hơn lưỡi kiếm”²³ Quan niệm của người Cơ Tu không nằm ngoài quan niệm về thế giới tự nhiên, con người của cư dân vùng Đông Nam Á (hay rộng hơn của nhân loại về ma thuật), rằng “ma thuật luôn tác động đến con người do mỗi lời nói, cử chỉ, hình vẽ đều đã biến thành biểu tượng. Về sau, tính biểu tượng được tôn giáo, nghệ thuật và những hình thức tôn giáo khác kế thừa.”²⁴

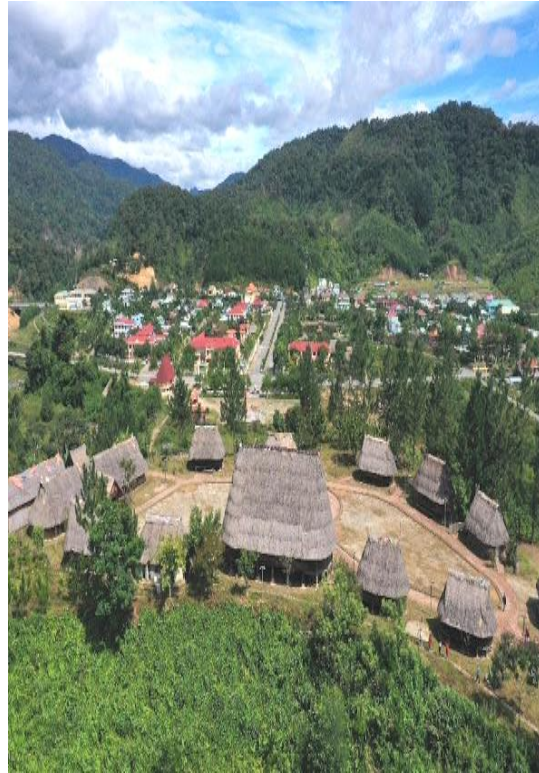
Quan hệ giữa gia đình và cộng đồng thể hiện qua việc hành chức các tập tục, nghi lễ gắn với cộng đồng và gia đình. Những sinh hoạt thường ngày liên quan đến nghi lễ đề đạt nguyện vọng đến với thần linh đều được nghiêm túc thực hiện tại không gian thiêng của gươl. Nếu như thời xưa, ngôi đình làng của người Kinh là nơi diễn ra các tín ngưỡng dân gian, nơi họp hành, bàn bạc việc làng, nơi hàng năm tổ chức

²³ Giáo sư A. A. Radugin (Chủ biên), Vũ Đình Phòng (2002) dịch, *Từ điển bách khoa văn hóa học*, Viện Nghiên cứu văn hóa nghệ thuật, Hà Nội.

²⁴ Giáo sư A.A. Radugin (Chủ biên), Vũ Đình Phòng (2002) dịch. Sđd.



Góc ngôi làng xã A Ting năm 1938
(Ảnh: Champrosay, trong *Les de Chasseurs de sang*)



Một ngôi làng Cờ Tu huyện Tây Giang
(2018, Ảnh: St)

lễ cầu an cho dân làng, nơi xét xử những vụ án dân sự, nơi điều chỉnh các hành vi vi phạm phong tục, tập quán của làng đều phải được tiến hành xem xét tại đình làng, thì gươl của người Cơ Tu cũng có chức năng như thế. Ở đó nơi thần linh/ dànang chứng giám và ghi nhận các hoạt động của người dân trong làng, nơi các thành viên trong làng thực hiện các nghi lễ tín ngưỡng dân gian mang sắc thái tâm linh với nhiều yếu tố tưởng tượng phong phú về cuộc đời. Cho nên gươl đối với người Cơ Tu là điểm Hội đồng già làng (*tơ coh bhuol* các già làng) họp bàn, đưa ra những quyết định liên quan đến sự tồn vong của làng, cả đến hoạt động của các chiến binh trong làng để bảo vệ người dân. Tại gươl thường đưa ra những quyết định hệ trọng và phải được thực thi. Bởi gươl thường thực hiện các chức năng khác ngoài chức năng tín ngưỡng, còn được xem là hội trường nơi hội họp, nơi là sân khấu những khi tổ chức lễ hội, vui chơi văn nghệ, còn là nhà ở của khách và của các thanh niên làng chưa vợ con. Gươl đồng thời cũng là cơ quan đồn lũy, nơi là bảo tàng (lưu giữ chứng tích săn bắn, tri thức tạo hình trên gỗ, biểu tượng của văn hóa tộc người). Như thế những gì gắn với gươl được cho là linh thiêng nhất.

Đề lập nên làng, không phải hễ đâu thuận lợi, gần suối gần sông là chọn đất lập làng theo cách muốn là được. Việc lập làng tại một vị trí địa lý thuận lợi hay không để có được ngôi làng như ý muốn đều lệ thuộc vào yếu tố tâm linh, điều này do dànang quyết định, cho hay không cho lập làng. Thần ở đây theo cách gọi của người

Kinh, còn người Cơ Tu gọi là dăng/giang. Chọn đất là một quá trình khắt khe, bởi làng có trường tồn hay diệt vong đều quy ra do việc chọn đất lập làng và quy dân đến sinh sống. Chọn đất xong, còn phải chọn đất trong làng để dựng nhà cho các thành viên. Trước 1975, đây là những điều quy chuẩn chặt chẽ mà bất cứ một thành viên nào trong làng đều phải tuân thủ. Thần không cho, xem như không được chọn, cho dù con người hiện thực có ưng thích miếng đất này thế nào đi nữa, cũng phải không để mắt đến do dăng không cho phép. Vị trí chọn xong, đến lượt vị trí nhà các thành viên trong làng, nhà ở thường bố trí cận kề nhau, nhà cách nhà chừng năm, bảy mét, liên kết lại thành hình thuôn (ovale), cũng có thể hình tròn, hoặc hai đầu làng kéo dài thêm ra (tùy theo địa hình lập làng) tạo thành hình trông giống hình trái xoài tượng. Gươl là nhà lớn hơn, to hơn, cao hơn, mái xuôi hơn, kiến trúc nhiều hơn, đẹp hơn so với nhà các thành viên. Gươl lớn, bề thế là làng lớn. Giữa sân làng có cây cột lễ của mùa lễ năm trước còn để lại. Nhà thành viên giống nhà gươl nhưng nhỏ hơn, có cấu trúc giống nhau, mái thường xuôi thẳng xuống (nhưng không xuôi hơn gươl), tạo nên hình thuôn, mái liền mái không góc cạnh. Do mái nhà kéo xuống đến gần sàn nhà nên trông ngôi nhà thấp.

Khi làng bỗng dưng có bệnh dịch, hay do nhiều nguyên nhân làm chết nhiều người, hoặc có nhiều người chết xấu diễn ra, người dân trong làng cùng nhận định đã đến lúc dăng không cho ở nơi này được nữa, phải dời làng đi chỗ khác. Các vị chức sắc trong làng họp bàn và đưa ra quyết định, nếu phải dời làng thì việc đầu tiên là tìm khu đất khác lập làng. Có thể trên núi cao hiểm trở hoặc trên sườn núi dốc dương nào đó. Việc xin đất lập làng tiến hành do chủ làng thực hiện.

Người Cơ Tu tin rằng, mọi việc liên quan đến sinh sống của làng phải có sự đồng thuận của dăng, bởi dăng quán xuyên mọi công việc trần gian. Lễ nghi xin lập làng thuận lòng dăng, sẽ mở ra con đường sáng lạn cho cộng đồng tồn tại và phát triển, có cuộc sống yên ổn, bình an, nhất là tránh được nhiều cái chết xấu, tránh được bệnh dịch, dân làng không đau ốm.